

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06-7-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp

về Nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Lâm;

2. Ông Hà Minh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lù Thị Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về Nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Thông báo mở mở lại phiên tòa số: 01/TB-MLPT ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Lương Trung K, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Chị Trang Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-4-2023, các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Lương Trung K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trang Thị N kết hôn với nhau trên cơ

sở tự nguyện không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 14-6-2019 tại UBND xã Xà Hồ, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Chung sống đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N nói bố mẹ và em gái anh K thường xuyên chửi bới nói xấu và ghét bỏ chị N.

Khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2022 chị N bỏ nhà ra đi vào ban đêm được một tháng thì anh K đi tìm. Sau đó anh K phát hiện ra chị N đang ở huyện H, tỉnh Thái Bình. Anh K đến tận nơi đón hai mẹ con về, về đến thị xã N, tỉnh Yên Bái chị N không về nhà mà ở nhà người quen ở xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái một tuần. Sau đó anh K đi đón chị N về nhà được 02 ngày thì lại bỏ nhà đi vào ban đêm, anh K ngủ say nên không biết, đến sáng hôm sau tỉnh dậy không thấy quần áo của hai mẹ con đâu, anh K có hỏi hàng xóm thì được biết chị N đã đi vào lúc 3 giờ đêm. Nhiều lần chị N nói bỏ anh K, nhưng anh K không đồng ý vì không muốn tan vỡ gia đình, con sẽ thiệt thòi. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau và làm cho nhau khó chịu.

Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn chị Trang Thị N.

Về con chung: Anh K và chị Trang Thị N có 01 con chung là Lương Gia H, sinh ngày 19-8-2016. Khi ly hôn anh K đề nghị để chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con Lương Gia Huy, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lương Trung K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Lương Trung K có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn chị Trang Thị N nhưng chị N không có mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh ngày 11-5-2023 tại thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái, ông Giàng Sáy C là trưởng thôn cho biết: Anh Lương Trung K và chị Trang Thị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xà Hồ, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; trong quá trình chung sống giữa anh K và chị N có xảy ra mâu thuẫn hay không thì tôi không rõ, chỉ biết chị N đã bỏ nhà đi khỏi địa phương một thời gian và có thể đã về nhà bố mẹ để ở xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Trong thời gian bỏ nhà đi thì thoảng tôi vẫn thấy chị N trở về địa phương. Chị N hiện vẫn đăng ký hộ khẩu ở thôn S, xã X, huyện T. Về con chung: Anh K và chị N có 01 con chung là Lương Gia H, sinh năm 2016, từ khi chị N bỏ nhà đi thì cũng mang theo con Lương Gia H đi cùng.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16-5-2023, ông Trang A L là bố đẻ của chị Trang Thị N cho biết: Chị Trang Thị N và anh Lương Trung K lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xà Hồ, huyện Trạm Tấu, tuy nhiên thời gian gần đây giữa chị N và anh K có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân

mâu thuẫn thì tôi không rõ. Do mâu thuẫn nên chị N đã bỏ nhà ở xã X về ở cùng chúng tôi tại thôn L, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái được một thời gian thì chị N đi làm ăn xa và tôi cũng không rõ chị N làm ở đâu. Gia đình tôi cũng đã nhận được đầy đủ các giấy tờ do Tòa án gửi cho chị N và đã thông báo cho chị N biết nội dung các giấy tờ đó và chị N có quan điểm như sau: Về quan hệ hôn chị N nhất trí ly hôn với anh K nhưng do bận công việc, đường xá xa xôi không xin nghỉ được nên chị N không về làm việc được, việc anh K đề nghị ly hôn thì anh K tự làm thủ tục. Về con chung chị và anh K có 01 con chung là Lương Gia H, sinh năm 2016, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền. Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định về trình tự giải quyết vụ án dân sự, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi giải quyết vụ án. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ chưa có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân giải quyết cho anh Lương Trung K được ly hôn với chị Trang Thị N, về con chung giao cho chị Trang Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con Lương Gia H, sinh ngày 19-8-2016, anh Lương Trung K không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến; về án phí căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn anh Lương Trung K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trang Thị N cư trú tại thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không

lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Anh Lương Trung K khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Trang Thị N và đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lương Trung K và chị Trang Thị N kết hôn vào ngày 14-6-2019 tại UBND xã Xà Hồ, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua lời trình bày của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N nói bố mẹ và em gái anh K thường xuyên chửi bới nói xấu và ghét bỏ chị N. Khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2022 chị N bỏ nhà ra đi vào ban đêm được một tháng thì anh K đi tìm. Sau đó anh K phát hiện ra chị N đang ở huyện H, tỉnh Thái Bình. Anh K đến tận nơi đón hai mẹ con về, về đến thị xã N, tỉnh Yên Bái chị N không về nhà mà ở nhà người quen ở xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái một tuần. Sau đó anh K đi đón chị N về nhà được 02 ngày thì lại bỏ nhà đi vào ban đêm, anh K ngủ say nên không biết, đến sáng hôm sau tỉnh dậy không thấy quần áo của hai mẹ con đâu, anh K có hỏi hàng xóm thì được biết chị N đã đi vào lúc 3 giờ đêm. Nhiều lần chị N nói bỏ anh K, nhưng anh K không đồng ý vì không muốn tan vỡ gia đình, con sẽ thiệt thòi. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau và làm cho nhau khó chịu. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Tại phiên tòa hôm nay, anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng Nuôi con chung*:

[3.1] *Về con chung*: Anh Lương Trung K và chị Trang Thị N có 01 con chung là Lương Gia H, sinh ngày 19-8-2016, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh của Tòa án hiện nay con Lương Gia H đang ở cùng chị Trang Thị N.

Xét thấy theo quy định tại Điều 71 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi

dưỡng con chưa thành niên; mặt khác để tránh xáo trộn môi trường sống và học tập, để con Lương Gia H được ổn định về mặt tâm lý và tinh thần, xét thấy cần giao con Lương Gia H cho chị Trang Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Trung K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo*:

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Trung K được ly hôn chị Trang Thị N.

2. Về con chung: Giao con Lương Gia H, sinh ngày 19-8-2016 cho chị Trang Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Trung K không phải cấp dưỡng Nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lương Trung K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2021/0000636 ngày 10-4-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trầm Bái, tỉnh Yên Bái. Anh Lương Trung K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, chị Trang Thị N không

phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã Xà Hồ;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lên